CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang

Ngày 30/09/2025	5,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	19.0%	**26.2%**	**58.1%**

DT thuần
Q3/25
5.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.96| 19.8%
YoY: ▼23.8| -80.3%

LN thuần
Q3/25
-9.41
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.1| -650%
YoY: ▲ 6.89| 42.3%

LN sau thuế
Q3/25
-3.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.37| -332%
YoY: ▲ 13.9| 78.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
65.9%
YoY: +/-▼ 108%

ROE (TTM)
Q3/25
-1.8%
YoY: +/-▲ 2.1%

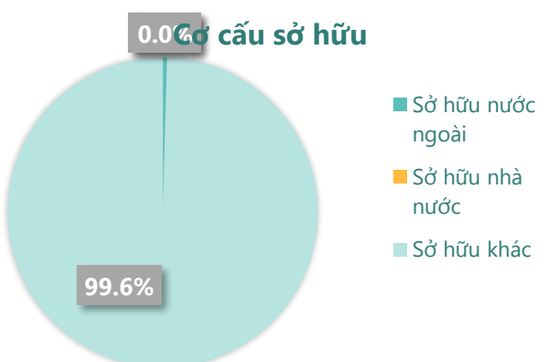
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,400 - 5,250
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	268
Số lượng CPLH (CP)	51,497,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	454,055
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.63
EPS	-228
P/E	-22.8

DT thuần
9T 2025
45.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼39.7| -46.6%

LN thuần
9T 2025
-2.42
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.6| 91.9%

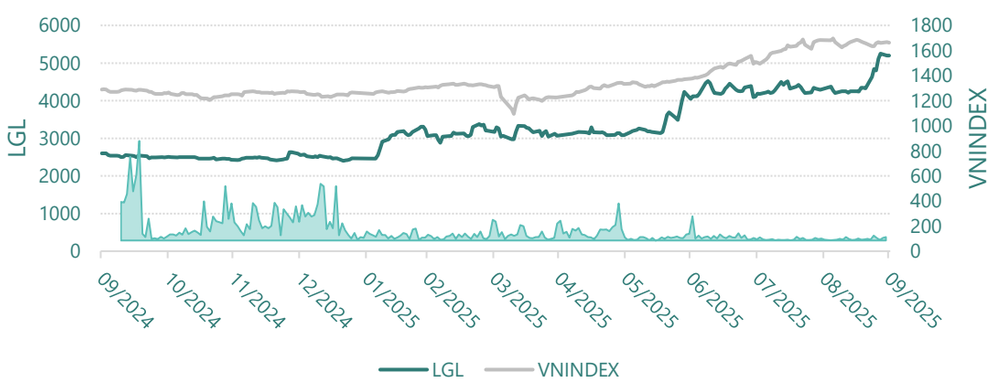
LN sau thuế
9T 2025
2.43
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 39.9| 106%

Cơ cấu sở hữu

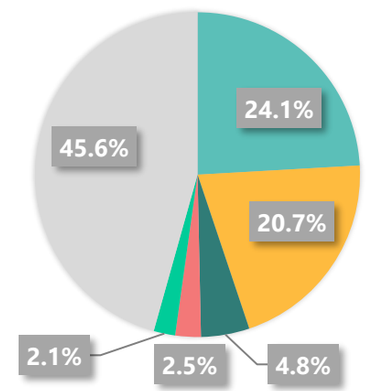


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



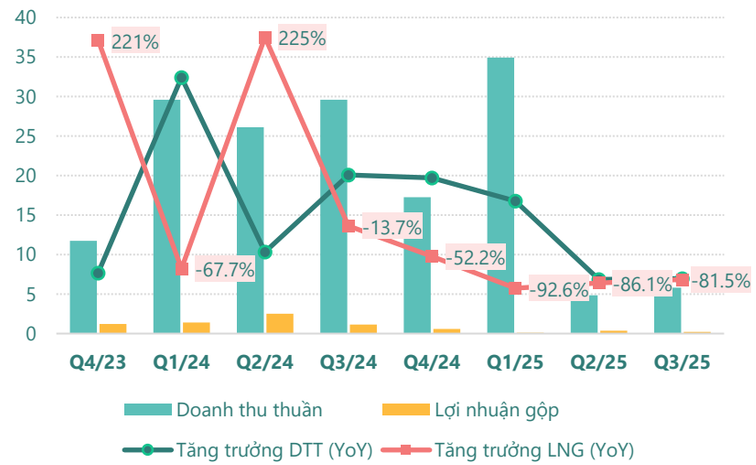
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

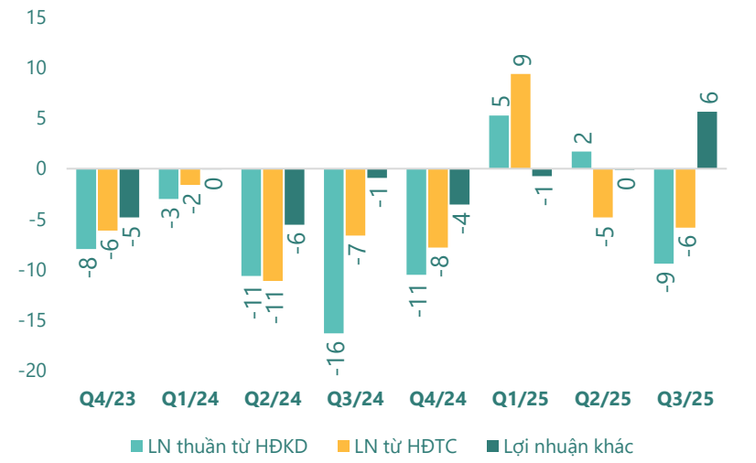
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



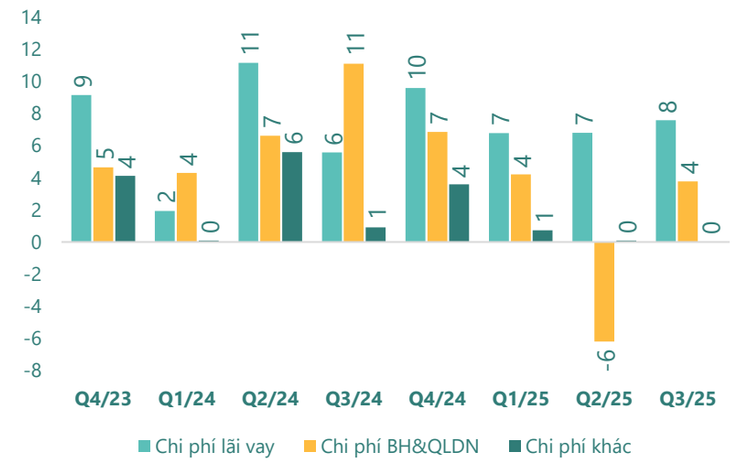
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



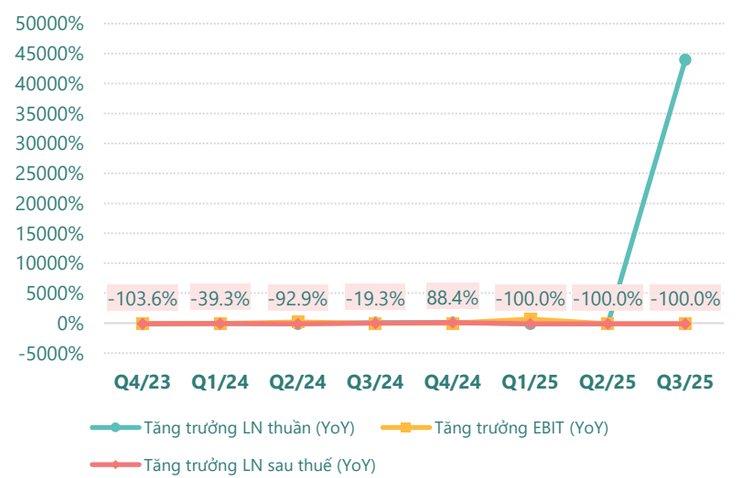
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



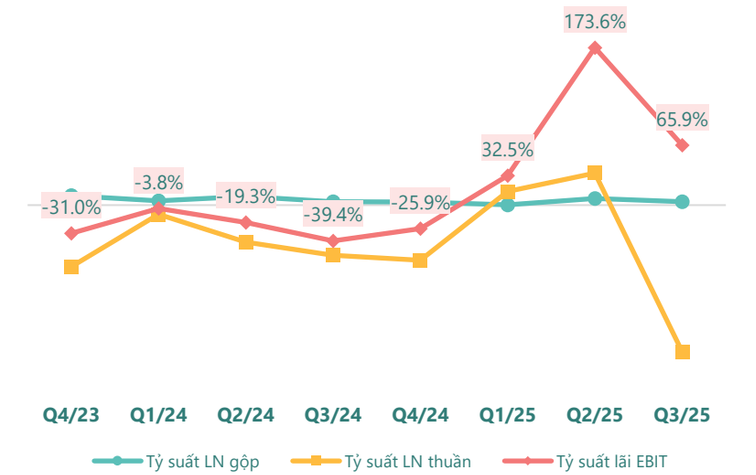
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



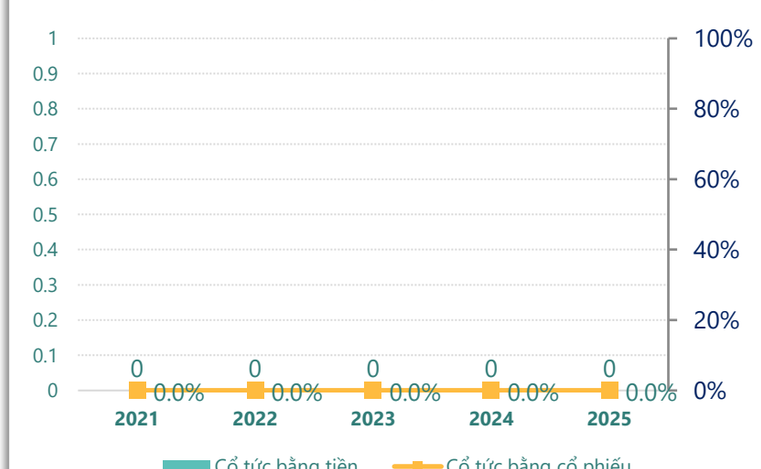
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



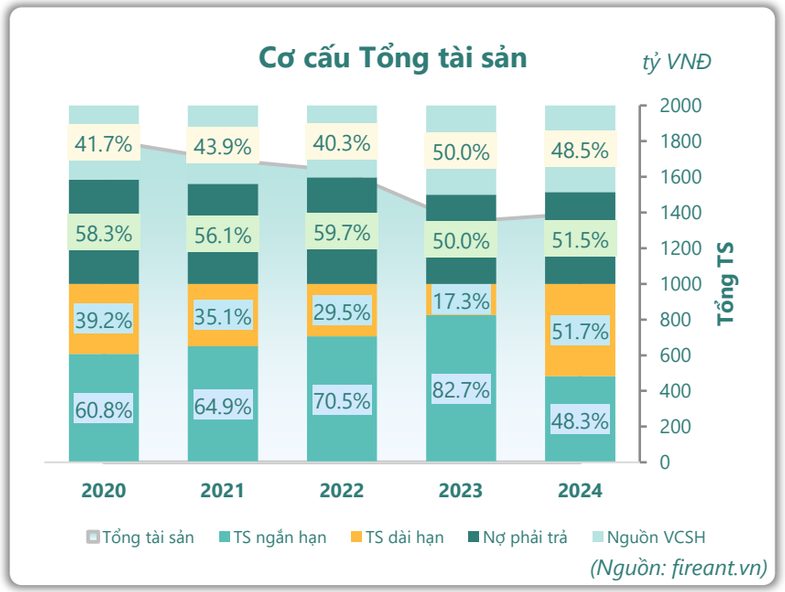
(Nguồn: fireant.vn)

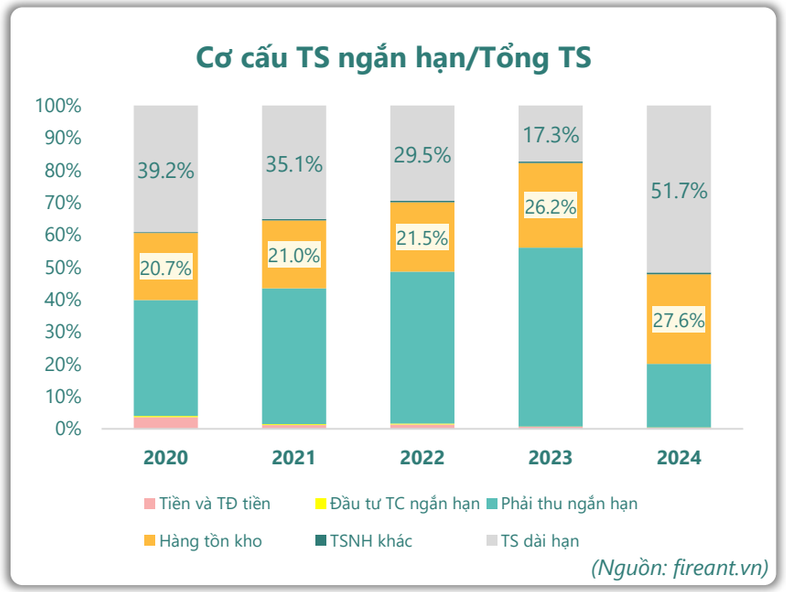
Cổ tức

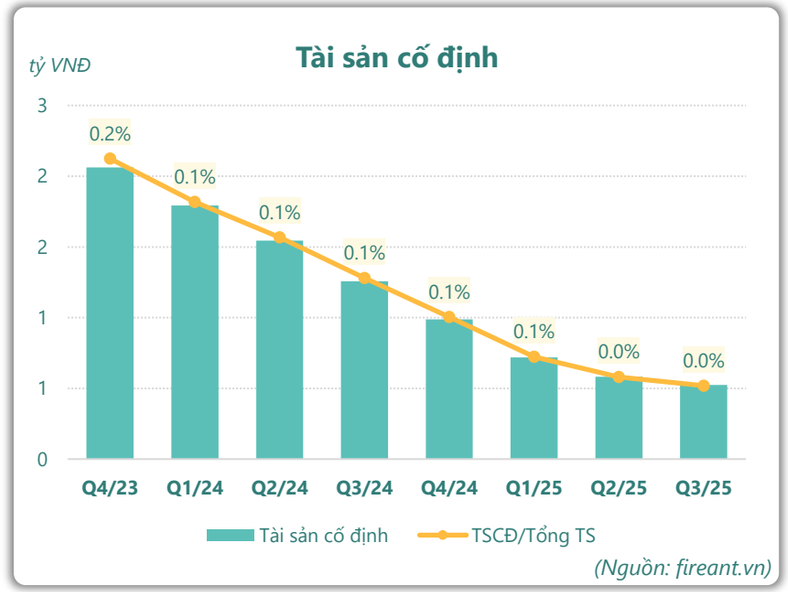


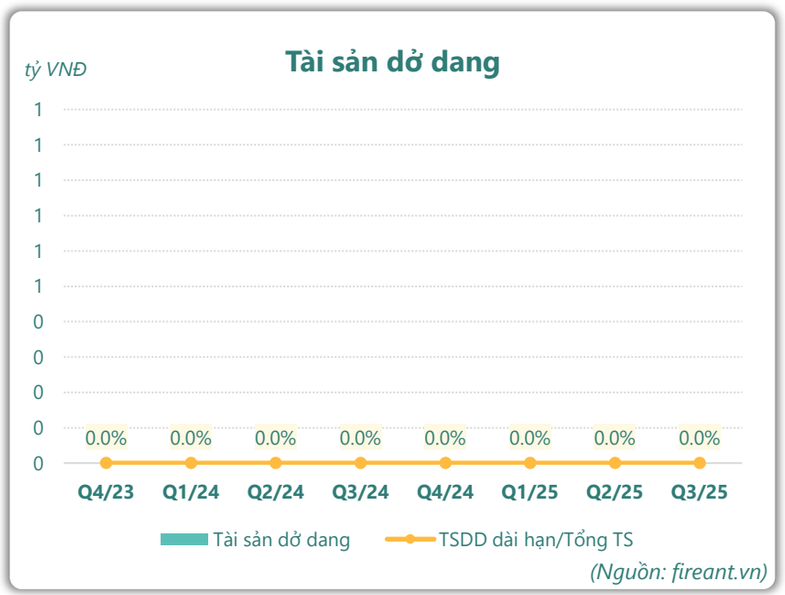
(Nguồn: fireant.vn)

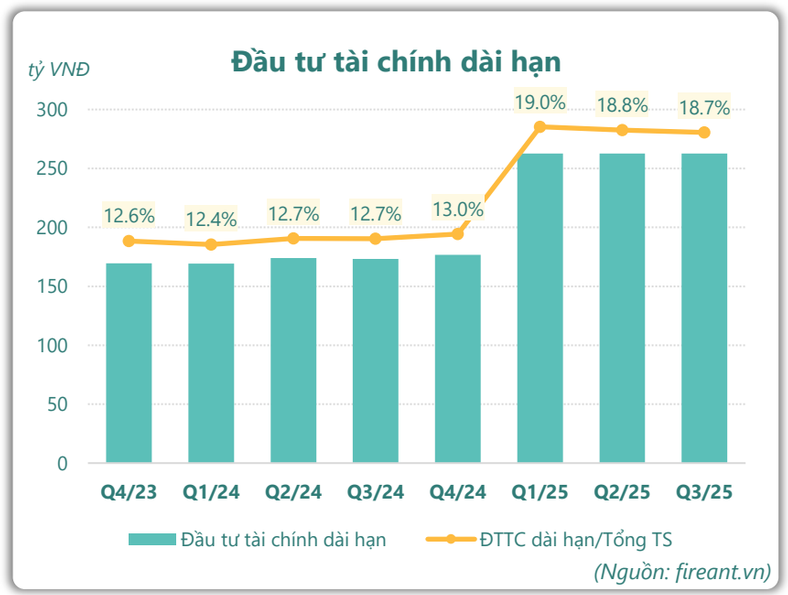
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

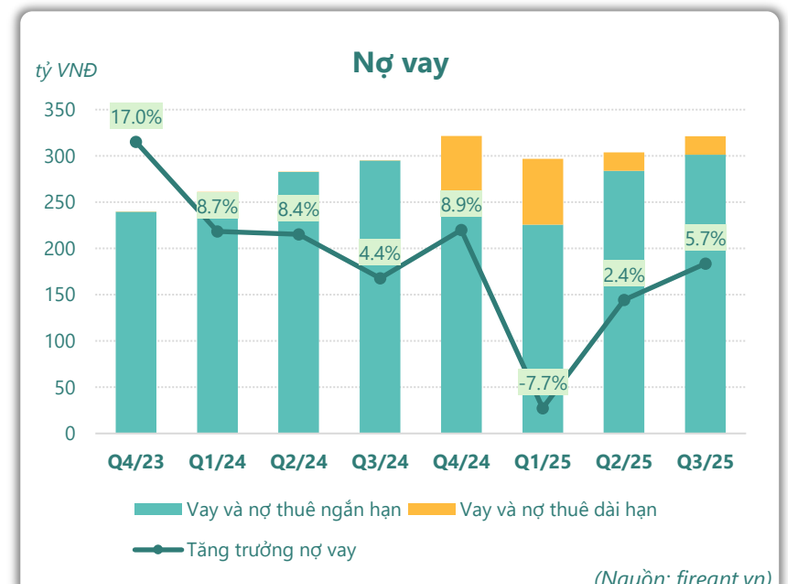






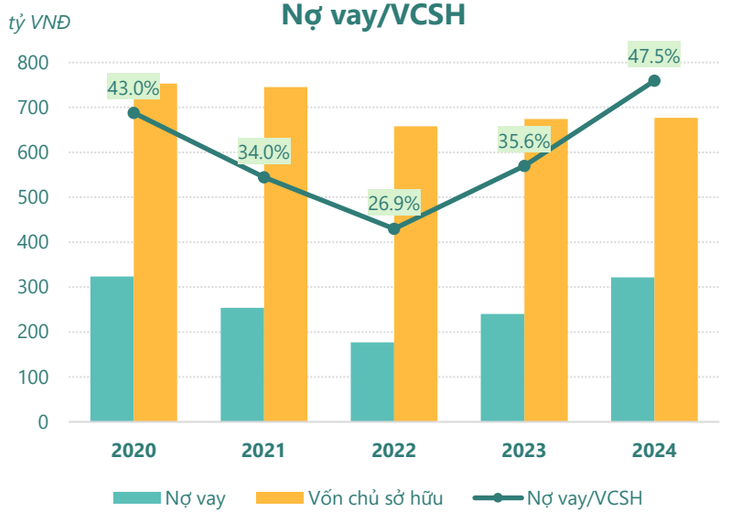






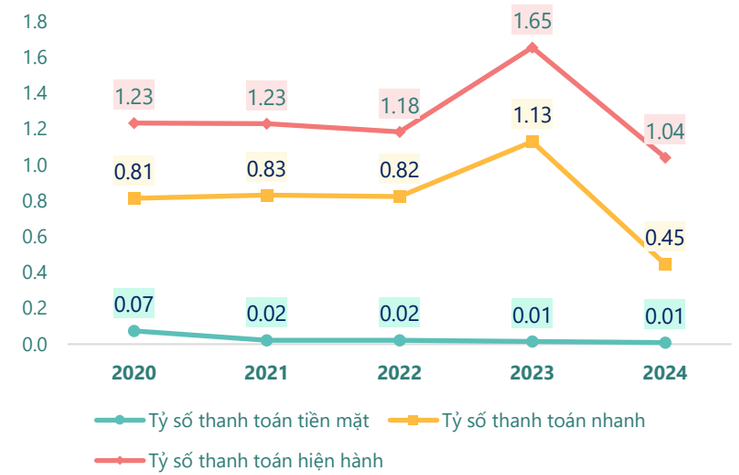
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



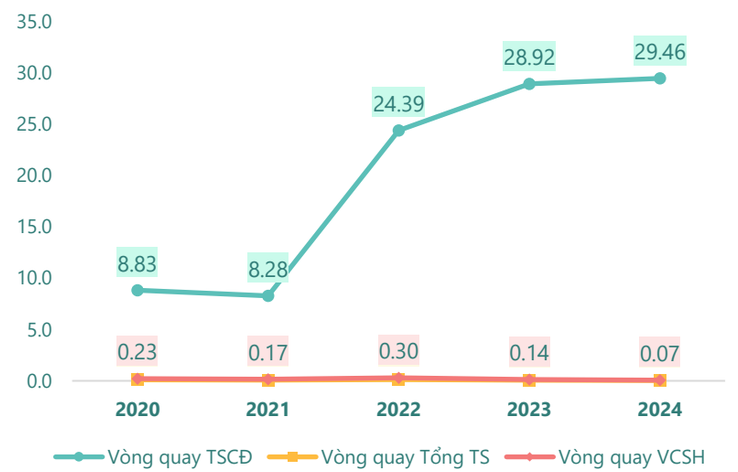
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



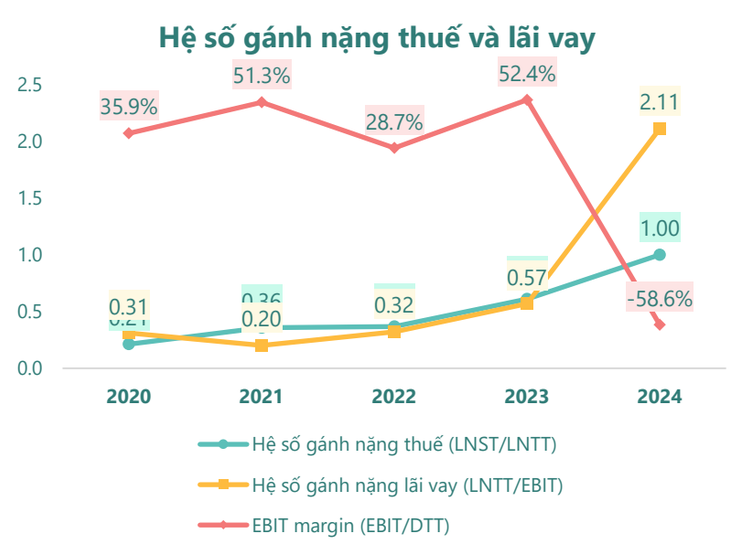
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



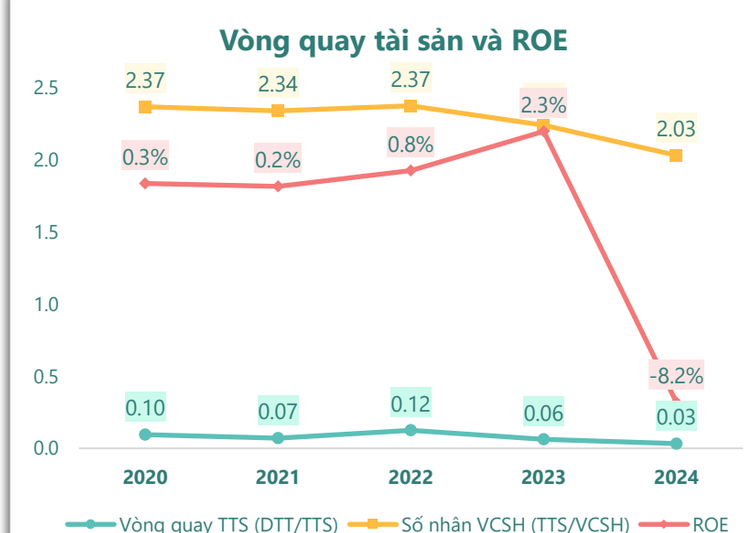
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



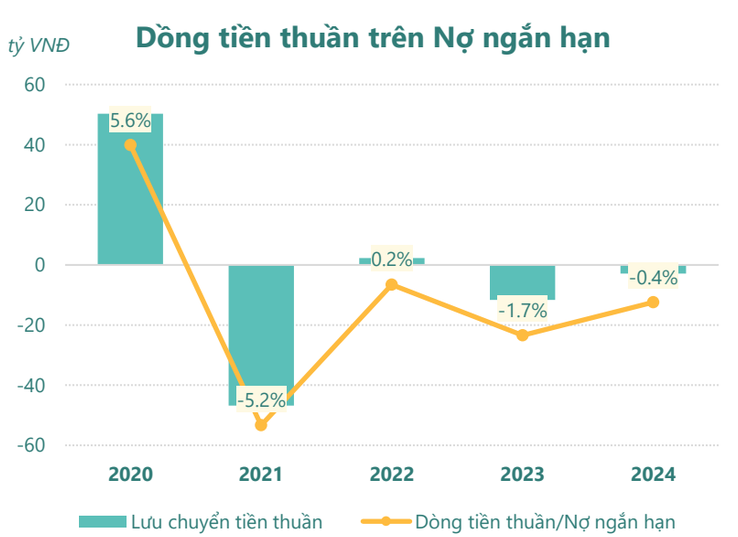
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5.82**	**29.6**	**-80.3%**	**45.6**	**85.3**	**-46.6%**
Giá vốn hàng bán	5.61	28.5	-80.3%	44.9	80.3	-44.0%
Lợi nhuận gộp	0.21	1.13	-81.5%	0.66	5.07	-86.9%
Doanh thu HĐTC	2.35	0.28	738%	20.8	1.18	1660%
Chi phí TC	8.18	6.91	18.4%	22.1	20.5	7.6%
Chi phí lãi vay	7.59	5.58	36.0%	21.2	18.7	13.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.28**	**-100%**	**0**	**6.34**	**-100%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**3.78**	**11.1**	**-65.9%**	**1.79**	**22.1**	**-91.9%**
LN thuần từ HĐKD	-9.41	-16.3	42.3%	-2.42	-30.0	91.9%
Lợi nhuận khác	**5.66**	**-0.90**	**729%**	**4.84**	**-6.52**	**174%**
LN trước thuế	-3.75	-17.3	78.3%	2.43	-36.5	107%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.75**	**-17.6**	**78.7%**	**2.43**	**-37.5**	**106%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.75**	**-17.7**	**78.8%**	**2.43**	**-38.5**	**106%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-32.9	-21.3	-203	-2.29	-6.79	-18.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.53	12.7	177	22.0	0.32	1.76
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	21.9	12.7	26.5	-24.5	6.01	16.5
Tiền đầu kỳ	7.98	2.53	6.66	5.68	0.95	0.48
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.45**	**4.13**	**0.09**	**-4.73**	**-0.47**	**0.20**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.53	6.66	6.74	0.95	0.48	0.68

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,404**	**1,396**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	582	674	-13.7%
Tiền và tương đương tiền	0.68	5.68	-88.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	184	275	-33.4%
Hàng tồn kho	388	386	0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	9.17	7.35	24.8%
Tài sản dài hạn	**823**	**722**	**14.0%**
Phải thu dài hạn	444	457	-2.8%
Tài sản cố định	0.52	0.99	-46.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	263	263	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**116**	**1.10**	**10399%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	725	718	0.9%
Nợ ngắn hạn	**566**	**647**	**-12.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	301	250	20.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	85.2	95.3	-10.6%
Nợ dài hạn	159	71.2	124%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.0	71.2	-71.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**679**	**677**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**679**	**677**	**0.4%**
Vốn điều lệ	515	515	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)